

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-PT
Ngày 28 - 01- 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thiệm

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

To Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam;
Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp : Bà Bùi Thị Hương G, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng (To văn bản ủy quyền ngày 28/01/2021 của Giám đốc

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng), có mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát; Địa chỉ trụ sở: Số 80 L, khu 4, phường H, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại hợp pháp: Ông Lê Thanh B, chức vụ: Giám đốc công ty, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn X - Luật sư văn phòng Luật sư Xã hội và Gia đình, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Thanh B, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: Thôn Đ, N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, (ông B có mặt, bà T vắng mặt);

Người đại diện diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T là ông Lê Thanh B, (Giấy ủy quyền ngày 20/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng), có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T: Ông Trần Văn N – Luật sư văn phòng Luật sư Xã hội và Gia đình, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981 và chị Lê Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn I, xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng, (anh T, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Người đại diện diện hợp pháp của anh T, chị T là ông Lê Thanh B, (Giấy ủy quyền ngày 24/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng), có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T: ông Trần Văn N – Luật sư văn phòng Luật sư Xã hội và Gia đình, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt;

Anh Lê Thanh G, sinh năm 1980 và chị Phạm Thị X, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- Anh Lê Duy H, sinh năm 1983 và chị Vũ Thị P, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát, ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2019 của nguyên đơn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Hưng, thành phố Hải Phòng (nay là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng) sau đây gọi tắt là Agribank và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ Máy tính Đại Phát (sau đây gọi tắt là công ty Đại Phát) ký kết Hợp đồng tín dụng số 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012 với mục đích Agribank cho Công ty Đại Phát vay tiền để kinh doanh. Nội dung là:

- Tổng hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay vốn: Kinh doanh cát, đá, gạch;
- Lãi suất tại thời điểm cho vay: 21,6 %/ năm, đến ngày 17/7/2012 lãi suất được giảm xuống 15%/ năm, ngày 26/3/2013 lãi suất được giảm xuống 11%/năm.
- Thời hạn cho vay: 1 năm (12 tháng);

Sau khi ký kết Agribank đã giải ngân cho Công ty Đại Phát làm hai lần. Lần 1 vào ngày 22/3/2012 với số tiền là 2.000.000.000 đồng và lần thứ hai vào ngày 28/3/2012 với số tiền là 1.000.000.000 đồng. Công ty Đại Phát đã nhận đủ số tiền trên.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Agribank và người có tài sản đảm bảo đã ký hai hợp đồng thế chấp đối với 02 tài sản khác nhau:

Tài sản thế chấp thứ nhất:

- Quyền sử dụng đất 390 m² (Trong đó có: 200 m² đất và 190 m² đất vườn tạp) cùng các vật kiến trúc khác đã đang và sẽ được xây dựng trên thửa đất số 293, bản đồ số 5 tại địa chỉ Thôn Đ, N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 526218, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00472 ngày 12/11/2003 đứng tên người sử dụng đất là ông Lê Thanh B.

- Tài sản thế chấp cho khoản vay To Hợp đồng thế chấp tài sản đã được Phòng công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 391/TC-ĐNV ngày 06/03/2012 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện An Dương, thành phố Hải

Phòng ngày 06/03/2012.

- Tài sản trên hiện nay do ông B, bà T cùng các con vẫn đang quản lý và sử dụng.

Tài sản thế chấp thứ hai:

- Quyền sử dụng đất 168 m² đất cùng ngôi nhà 01 tầng diện tích xây dựng 48 m² và vật kiến trúc khác đã đang và sẽ được xây dựng trên diện tích này thuộc thửa đất số 1280, bản đồ số 02 tại địa chỉ Thôn I, xã S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 36044, số vào sổ cấp GCN: CH00485 ngày 11/4/2012 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Phạm Văn T.

- Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên To Hợp đồng thế chấp tài sản đã được Phòng công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 1030/TC-ĐNV ngày 10/05/2012 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 14/05/2012.

- Tài sản trên hiện nay do anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T vẫn đang quản lý và sử dụng.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng trên, Agribank đã thực hiện giải ngân đầy đủ. Tính đến ngày 10/9/2020, Công ty Đại Phát mới trả được 68.400.000 đồng tiền lãi, toàn bộ số nợ gốc công ty Đại Phát chưa trả.

Như vậy, Công ty Đại Phát đã vi phạm các điều khoản như đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng nên Agribank đề G Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 10/9/2020 là: 6.867.113.889 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng*) và lãi phát sinh kể từ ngày 11/9/2020 đến khi trả hết nợ. Trong đó:

+ Phải trả nợ gốc là: 3.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn*).

+ Phải trả nợ lãi (tính đến hết ngày 10/9/2020 có bảng kê kèm To) là: 3.867.113.889 đồng.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát phải tiếp tục trả lãi phát sinh To mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012 kể từ ngày 11/9/2020 cho đến ngày thực tế Công ty Đại Phát trả hết nợ cho Agribank.

3. Trong trường hợp Công ty Đại Phát không trả nợ, trả nợ không đầy đủ toàn bộ khoản nợ cho Agribank và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tài sản thế chấp không trả nợ thay cho công ty Đại Phát thì Agribank có quyền đề G Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại các tài sản bảo đảm như đã nêu trên để thu hồi nợ.

4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Agribank thì Agribank thông qua Agribank Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Đại Phát để thu hồi nợ To quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Công ty Đại Phát có ký kết hợp đồng tín dụng số 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012 với Agribank để vay số tiền, cụ thể là 3.000.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Để giúp Ngân hàng đáo hạn cho một số khoản vay tại ngân hàng đã đến kỳ tất toán, để giúp ông Säck - giám đốc Ngân hàng lúc đó và cũng là bạn thân của ông Lê Thanh B

- Số tiền lãi đã trả: 68.400.000 đồng là do ông Säck đưa và bảo ông B đem trả.

Ông B có ký vào “Giấy lĩnh tiền vay” của Agribank về khoản tiền 3.000.000.000 đồng có mặt ông Säck - Giám đốc Agribank và hai cán bộ tín dụng cùng ký xác nhận. Thực tế ông B không được nhận tiền này mà đã giao ngay cho ông Säck để giúp ông Säck làm thủ tục đáo hạn cho 42 khách hàng.

Do đó, Công ty Đại Phát đề G Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hợp đồng vô hiệu vì không có việc Công ty Đại Phát nhận khoản tiền 3.000.000.000 đồng của Agribank. Hợp đồng tín dụng số 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012 được ký kết giữa Agribank và Công ty Đại Phát là giải tạo nhằm che giấu việc vay vốn của Ngân hàng để dùng vào mục đích khác. Thực chất Công ty Đại Phát không hoạt động và Ngân hàng đã vi phạm về nguyên tắc hoạt động tín dụng. Vì vậy, đề G Hội đồng xét xử, xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Hợp đồng vô hiệu và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông B và vợ chồng anh T, chị T.

Đề G triệu tập một số nhân chứng là hai cán bộ tín dụng và thủ quỹ ngân hàng thời điểm giải ngân số tiền 3.000.000.000 đồng nhưng bị đơn không biết địa chỉ cụ thể của những người này ở đâu.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong Hợp đồng tín dụng thỏa thuận, trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì Tòa án giải quyết sẽ là nơi mà Ngân hàng đóng trụ sở. Chính vì vậy việc giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận Hải An là sai thẩm quyền, vi phạm tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T, chị Lê Thị T là ông Lê Thanh B cùng Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp - ông Trần Văn N trình bày:

- Ông B xác nhận ông và vợ là bà Nguyễn Thị T đã ký với Agribank hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Đại Phát do ông làm giám đốc công ty. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được Phòng công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 391/TC-ĐNV ngày 06/03/2012 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện An Dương, thành phố Hải Phòng ngày 06/03/2012.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất 390 m² (Trong đó có: 200 m² đất và 190 m² đất vườn tạp) cùng các vật kiến trúc khác đã đang và sẽ được xây dựng trên thửa đất số 293, bản đồ số 5 tại địa chỉ Thôn Đ, N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 526218, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00472 ngày 12/11/2003 đứng tên người sử dụng đất là ông Lê Thanh B. Tài sản trên hiện nay do vợ chồng ông cùng các con vẫn đang quản lý và sử dụng.

Ông B bà T là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Agribank bởi lẽ:

- Về việc phát mại hai tài sản thế chấp nêu trên vì: Vợ chồng bà T và vợ chồng chị T là người thứ 3 thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình bảo đảm cho khoản vay của công ty Đại Phát tại Agribank- chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng để kinh doanh cát, đá, gạch chứ không bảo đảm cho khoản vay của công ty Đại Phát để Agribank – chi nhánh An Hưng Hải Phòng sử dụng vào việc đảo nợ hoặc sử dụng vào mục đích khác ngoài phạm vi kinh doanh cát, đá, gạch của công ty Đại Phát.

- Về việc Công ty Đại Phát phải trả khoản nợ nêu trên vì: Công ty Đại Phát và Agribank có ký hợp đồng tín dụng vay 3.000.000.000 đồng ngày 16/02/2012 nhưng không thực hiện việc kinh doanh cát, đá, gạch To thỏa thuận. Mặc dù, ông B là người ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, ký giấy nhận

nợ, ký giấy lĩnh tiền vay nhưng thực tế ông B không phải là người trực tiếp nhận tiền, việc sử dụng tiền đều do Ngân hàng và ông Sác thực hiện.

- Thời hạn của Hợp đồng thế chấp đã hết nên Hợp đồng thế chấp cũng không có giá trị pháp lý vì: Tại Điều 3 của hai Hợp đồng thế chấp quy định Thời hạn của 02 Hợp đồng này là 36 tháng được tính từ ngày bên vay vốn nhận khoản tiền vay đầu tiên đến khi bên vay vốn hoàn thành mọi nghĩa vụ trả nợ To các điều kiện đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp này, các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ sẽ được ký kết giữa bên cho vay và bên vay.

- Khoản vay 03 tỉ đồng của Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Agribank và Công ty Đại Phát không liên quan đến khoản vay kinh doanh cát, đá, gạch vì:

To quy định tại các điều 94, 96 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và tại Điều 7, Điều 14 Quyết định 1627/2001- NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng, đã quy định về hồ sơ vay vốn. Bị đơn đã đề G Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu thuộc hồ sơ vay vốn của khoản vay này, nhưng đại diện ngân hàng trả lời không cung cấp các tài liệu đó, tức là Ngân hàng đã không thực hiện đúng các quy định của pháp luật cho vay, cụ thể các tài liệu, giấy tờ ngân hàng cần giao nộp cho Tòa án:

+ Bên vay vốn, Công ty Đại Phát không có dự án, không có phương án sản xuất kinh doanh về việc kinh doanh cát, đá, gạch.

+ Bên Ngân hàng không có văn bản đánh giá năng lực tài chính của bên vay, không có văn bản thẩm định đánh giá tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh của Công ty Đại Phát về việc kinh doanh cát, đá, gạch. Không có văn bản phê duyệt cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền đồng ý cho phép ký hợp đồng tín dụng cho Công ty Đại Phát vay 3 tỷ đồng để kinh doanh cát, đá, gạch.

+ Không có các hợp đồng kinh tế về việc mua bán giữa Công ty Đại Phát và các đối tác.

+ Không có các chứng từ, tài liệu liên quan đến việc thanh toán, việc mua bán cát, đá, gạch giữa Công ty Đại Phát và các đối tác.

+ Không có bản kê về việc rút tiền mặt của hai giấy lĩnh tiền vay.

Vì vậy, đề G Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng vô hiệu dẫn đến Hợp đồng thế chấp không có giá trị pháp lý.

Đề G Ngân hàng trả lại sổ đỏ cho vợ chồng ông và sổ đỏ cho vợ chồng anh T, chị T vì Công ty Đại Phát không vay tiền, không nhận tiền.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T, chị Lê Thị T, trình bày:

Tại thời điểm công ty Đại Phát ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn tại Agribank thì chị và anh T có được biết và tự nguyện dùng tài sản của mình thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên của Công ty Đại Phát tại Agribank. Trường hợp Công ty Đại Phát không trả được nợ cho Agribank thì anh chị đồng ý phát mại tài sản thế chấp để trả nợ thay cho Công ty Đại Phát.

Tại đơn đề G ngày 12/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Xuyên và anh Lê Thanh G, chị Vũ Thị Phương và anh Lê Duy Hiên trình bày:

Hiện các anh chị đang sống cùng ông B, bà T trên diện tích đất 390 m² tại Thôn Đ, N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tài sản này hiện đang thế chấp tại Agribank để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Đại Phát. Việc giải quyết vụ án thì các anh chị cùng thống nhất với quan điểm của ông Lê Thanh B và không có ý kiến gì khác.

I. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Với nội dung như trên, tại Bản án số: 06/2020/KDTM-ST ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào:

Căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 122, 124, 342, 343, 355, 715, 716, 717, 721 471 và Điều 473, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 1 Điều 106; điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Điểm a khoản 1 Điều 3 G định 83/2010/NĐ- CP ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 G quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 10/9/2020 là 6.867.113.889 đồng (trong đó nợ gốc: 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là

2.952.433.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 914.680.556 đồng To Hợp đồng tín dụng 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012.

Kể từ ngày tiếp To của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành To mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay To từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay To quy định của pháp luật cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (lãi trong hạn và lãi quá hạn) To mức lãi suất quy định tại Điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề G Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bàn giao tài sản sau:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất 390 m² (Trong đó có: 200 m² đất và 190 m² đất vườn tạp) cùng các vật kiến trúc khác đã đang và sẽ được xây dựng trên thửa đất số 293 bản đồ số 5 tại địa chỉ thôn N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 526218, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00472 ngày 12/11/2003 đứng tên người sử dụng đất là ông Lê Thanh B.

Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên To Hợp đồng thế chấp tài sản đã được Phòng công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 391/TC-ĐNV ngày 06/03/2012 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện An Dương, thành phố Hải Phòng ngày 06/03/2012. Tài sản trên hiện nay do ông B, bà T cùng các con vẫn đang quản lý và sử dụng.

- Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất 168 m² đất cùng ngôi nhà 01 tầng diện tích xây dựng 48 m² và vật kiến trúc khác đã được xây dựng trên diện tích này thuộc thửa đất số 1280, bản đồ số 02 tại địa chỉ Thôn I, xã S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 36044, số vào sổ cấp GCN: CH00485 ngày 11/4/2012 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất là ông Phạm Văn T.

Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên To Hợp đồng thế chấp tài sản đã được Phòng công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 1030/TC-ĐNV ngày 10/05/2012 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 14/05/2012.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ trả hết nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát phải tiếp tục trả cho đến khi trả hết nợ.

Nếu số tiền phát mại trả hết nợ cho Agribank còn dư thừa sẽ được trả lại cho chủ sở hữu là ông B, bà T, anh T và chị T. Ông B, bà T, anh T, chị T, chị Phương, anh Hiền, chị Xuyên, anh G phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản thế chấp khi đưa ra phát mại.

3. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát phải nộp 114.867.114 đồng (Một trăm mười bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười bốn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền đã nộp 57.167.494 (Năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng) là tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AA/2016 số 0005449 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ To quy định pháp luật.

II. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 25/9/2020 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát, ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T đã có đơn kháng cáo một phần đối với Bản án sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của Ngân hàng, vì:

+ Ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T cho rằng:

- Do ngân hàng và công ty Đại Phát đã tạo ra hợp đồng tín dụng không, giả tạo, không có hợp đồng kinh tế về việc kinh doanh vật liệu, không có chứng từ thanh toán nhưng ngân hàng vẫn giải ngân;

- Thời hạn khởi kiện đã hết do thời hạn thể chấp chỉ thỏa thuận trong thời gian là 03 năm.

+ Công ty Đại Phát cho rằng: Công ty không vay tiền của Ngân hàng, Hợp đồng tín dụng giữa công ty Đại Phát với Ngân hàng chỉ là hợp đồng giả tạo. Thông qua hợp đồng này để Ngân hàng sử dụng tiền vay vào việc đảo nợ.

III. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Ngày 15/01/2021 và tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng đã có đơn và có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Rút một phần yêu cầu đòi bị đơn số tiền nợ gốc là 1.047.282.000đ;

- Rút yêu cầu phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất 168 m² đất cùng ngôi nhà 01 tầng diện tích xây dựng 48 m² và vật kiến trúc khác đã đang và sẽ được xây dựng trên diện tích này thuộc thửa đất số 1280, bản đồ số 02 tại địa chỉ Thôn I, xã S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 36044, số vào sổ cấp GCN: CH00485 ngày 11/4/2012 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Phạm Văn T.

Bởi lẽ, Ngày 15/01/2021 giữa Ngân hàng và anh T chị T đã thỏa thuận được với nhau. Ngân hàng đồng ý cho anh T chị T nộp số tiền 1.047.282.000đ vào Ngân hàng, số tiền này được trừ vào số tiền nợ gốc của bị đơn. Ngân hàng sẽ giải chấp tài sản thế chấp nêu trên của anh T chị T. Việc thỏa thuận này hai bên đã thực hiện xong ngày 15/01/2021.

Bị đơn, ông B bà T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ông B bà T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề G HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa Bản án sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An To hướng:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn: Bỏ phần tuyên “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (lãi trong hạn và lãi quá hạn) To mức lãi suất quy định tại Điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong” vì không đúng với Án lệ 08, Thông tư 39, G quyết 01/2009/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi suất.

- Hủy một phần Bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phần yêu cầu đã rút của Ngân hàng về số tiền đòi nợ gốc 1.047.282.000đ và yêu cầu phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất 168 m² đất cùng ngôi nhà 01 tầng diện tích xây dựng 48 m² và vật kiến trúc khác đã đang và sẽ được xây dựng trên diện tích này thuộc thửa đất số 1280, bản đồ số 02 tại địa chỉ Thôn I, xã S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 36044, số vào sổ cấp GCN: CH00485 ngày 11/4/2012 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Phạm Văn T.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông B bà T.

- Về án phí: Do Bản án sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát, ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Số 80 Lũng Đông, khu 4, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng To quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng To quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát, ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T có nội dung phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự; thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 và đã nộp tiền tạm ứng án phí To quy định tại Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

[3] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án tới chị Phạm Thị Xuyên và anh Lê Thanh G, chị Vũ Thị Phương và anh Lê Duy Hiền nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của chị Xuyên, anh G, chị Phương, anh Hiền không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, HĐXX vẫn tiếp tục xét xử.

- Về nội dung:

[4] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T:

Ngày 15/01/2021 và tại phiên Tòa, Ngân hàng đã có đơn và có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Rút một phần yêu cầu đòi bị đơn số tiền nợ gốc là 1.047.282.000đ;

- Rút yêu cầu phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất 168 m² đất cùng ngôi nhà 01 tầng diện tích xây dựng 48 m² và vật kiến trúc khác đã, đang và sẽ được xây dựng trên diện tích này thuộc thửa đất số 1280, bản đồ số 02 tại địa chỉ Thôn I, xã S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 36044, số vào sổ cấp GCN: CH00485 ngày 11/4/2012 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Phạm Văn T.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, tại phiên tòa bị đơn và các đương sự khác có mặt tại phiên tòa cũng đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này nên To điểm b khoản 1 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX cần hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

[5] Xét kháng cáo của ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T, Công ty Đại phát và quan điểm bảo vệ của luật sư bảo vệ cho ông B bà T, công ty Đại phát;

[5.1] Ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T và luật sư cho rằng: Ngân hàng và công ty Đại Phát đã tạo ra hợp đồng tín dụng không, giả tạo, không có Hợp đồng kinh tế về việc kinh doanh vật liệu, không có chứng từ thanh toán nhưng Ngân hàng vẫn giải ngân;

Tại các điều 24, 25 của Quyết định số 1627/QĐ-NHNN của thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng có quy định;

“2. Khách hàng vay có nghĩa vụ:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, thực hiện đúng các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và các cam kết khác;

“ 1. Tổ chức tín dụng có quyền: a) Yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay;”

Do vậy những tài liệu như hợp đồng kinh tế, chứng từ thanh toán về việc kinh doanh vật liệu... liên quan đến việc vay vốn, sử dụng vốn trước khi đi vay thì bên vay phải có đầy đủ. Tại phiên Tòa ông B cũng thừa nhận công ty Đại Phát có chuẩn bị hồ sơ đi vay vốn và ông có ký và lưu giữ một bộ hồ sơ này trong đó có Hợp đồng kinh tế, nhưng do lâu ngày ông để thất lạc nên không giao nộp cho Tòa được. Đối với nguyên đơn, trên cơ sở có những tài liệu do bị đơn cung cấp thì Ngân hàng mới quyết định việc cho vay và giải ngân cho bị đơn. Xét thấy trình tự việc cho vay và giải ngân của Ngân hàng là đúng với quy định của pháp luật. Vì thế không chấp nhận kháng cáo này của ông B bà T.

[5.2] Công ty Đại Phát và luật sư cho rằng: Công ty không vay tiền của Ngân hàng, Hợp đồng tín dụng giữa công ty Đại Phát với Ngân hàng chỉ là hợp đồng giả tạo. Thông qua hợp đồng này để Ngân hàng sử dụng tiền vay vào việc đảo nợ;

Xét việc ký kết của Hợp đồng tín dụng số 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012 ký kết giữa Ngân hàng với Công ty Đại Phát, Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/3/2012 ký kết giữa Ngân hàng với ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 10/5/2012 ký kết giữa Ngân hàng với anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T; các Giấy nhận nợ ngày 28/02/2012 trên cơ sở tự nguyện, định đoạt, tự thỏa thuận, người ký kết hợp đồng có thẩm quyền và có đủ năng lực hành vi dân sự, có dấu và chữ ký đầy đủ giữa các bên, các thỏa thuận có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của Hợp đồng tín dụng đúng quy định pháp luật, bản thân ông B là Giám đốc công ty vừa là người có tài sản thế chấp đều thừa nhận, tự nguyện, đủ năng lực hành vi dân sự có ký vào các hợp đồng, giấy nhận nợ phù hợp với quy định tại các điều 122, 123, 124, 141 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 24 Luật thương mại năm 2005.

Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng có thẩm quyền, có đăng ký giao dịch bảo đảm To đúng quy định tại các điều 323, 342, 343, 715, 716 Bộ luật dân sự 2005, các điều 130, 188 Luật đất đai năm 2003, Điều 3 G định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm, do vậy các hợp đồng trên đã có hiệu lực, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trên hợp đồng.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ, đã giải ngân cho Công ty và được thể hiện tại các Giấy nhận nợ ngày 28/02/2012, Giấy nhận nợ 22/3/2012 và các biên lai lĩnh tiền vay. Ông B - Giám đốc công ty cũng thừa nhận việc này.

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại cấp phúc thẩm ông B, bà T, Công ty Đại Phát không cung cấp được tài liệu nào thể hiện Hợp đồng tín dụng giả tạo, Công ty Đại phát không nhận 3.000.000.000đồng mà là ông Sắc - giám đốc Ngân hàng nhận tiền, không có tài liệu nào thể hiện mục đích vay để giúp Ngân hàng, giúp ông Sắc - giám đốc Ngân hàng đáo hạn cho 42 khách hàng vay tại Ngân hàng đã đến kỳ tất toán... Những trang giấy photo ông B cung cấp tại cấp phúc thẩm chỉ có chữ ký chữ viết của cá nhân ông B cho ông Sắc vay tiền không liên quan đến việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì thế không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5.3] Ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T và luật sư cho rằng: thời hạn khởi kiện đã hết do thời hạn thế chấp chỉ thỏa thuận trong thời gian là 03 năm;

Từ ngày 22/3/2012 đến ngày 10/9/2020 công ty Đại Phát mới thanh toán được: 68.400.000 đồng tiền lãi và còn nợ: 6.867.113.889 đồng (trong đó nợ gốc phải trả: 3.000.000.000 đồng nợ lãi trong hạn phải trả: 2.952.433.333 đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 914.680.556 đồng). Từ ngày 10/9/2020 đến ngày 15/01/2021 anh T chị T trả nợ thay cho công ty Đại Phát 1.047.282.000đ tiền nợ gốc. Như vậy bị đơn còn nợ: tính đến ngày 15/01/2021 là 1.952.718 đồng nợ gốc, lãi trong hạn phải trả: 2.952.433.333 đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 914.680.556 đồng tính từ ngày 22/3/2012 đến ngày 10/9/2020 cùng số tiền lãi trên nợ gốc 3.000.000.000 đồng tính từ ngày 11/9/2020 đến ngày 15/01/2021 và lãi phát sinh phải trả kể từ ngày 15/01/2021 đến khi trả hết nợ.

Tại Điều 3 của hai Hợp đồng thế chấp quy định: *“Thời hạn của 02 Hợp đồng này là 36 tháng được tính từ ngày bên vay vốn nhận khoản tiền vay đầu tiên đến khi bên vay vốn hoàn thành mọi nghĩa vụ trả nợ To các điều kiện đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp này, các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ sẽ được ký kết giữa bên cho vay và bên vay vốn”*.

Tại Điều 14 của hợp đồng tín dụng số 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012 có ghi: *“Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Bên B*

hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ cho Bên A (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác liên quan) hoặc đến khi hợp đồng tín dụng này được thanh lý hoặc các bên thay thế bằng hợp đồng tín dụng khác”.

Như vậy, công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát chưa hoàn tất nghĩa vụ trả nợ To các điều kiện đã thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng số 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012. Do vậy các hợp đồng này chưa được thanh lý nên không chấp nhận kháng cáo này của ông B, bà T.

Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm:

[6] Tòa án cấp sơ thẩm có tuyên: “ ... Kể từ ngày tiếp To của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành To mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay To từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay To quy định của pháp luật cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (lãi trong hạn và lãi quá hạn) To mức lãi suất quy định tại Điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.”

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định mức lãi suất chậm thi hành án riêng biệt đối với số tiền nợ gốc và nợ lãi là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của G quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng áp dụng một số quy định của pháp luật lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng. Nếu tuyên tiếp To như ở trên thì quá trình thi hành án bị đơn phải trả lãi của khoản tiền lãi của lãi là lãi chồng lãi chưa đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Do đó, cần sửa một phần Bản án sơ thẩm, xác định bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án To mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và không tuyên “ *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (lãi trong hạn và lãi quá hạn) To mức lãi suất quy định tại Điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.*”

[7] Về nghĩa vụ thi hành án:

Tòa án cấp sơ thẩm có tuyên: “ 2. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề G Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bàn giao tài sản sau:...”

Nhưng tại Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/3/2012 ký kết giữa Ngân hàng với ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 10/5/2012 ký kết giữa Ngân hàng với anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T cùng quy định: “Bên thế chấp đồng ý tự nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình được nêu tại hợp đồng này, nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ một phần số tiền vay (gốc, lãi, các nghĩa vụ phát sinh có liên quan) của bên vay vốn...”.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/3/2012 ký kết giữa Ngân hàng với ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T;

“2.1 Tài sản thế chấp là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng...

2.3 Các bên nhất trí định giá tài sản thế chấp nêu tại hợp đồng này....là 4.000.000.000đ

2.4 Với giá trị tài sản nêu trên, các bên thống nhất sẽ bảo đảm cho mức dư nợ cao nhất là 3.000.000.000đ...”

Như vậy, tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp nêu trên chỉ được đảm bảo cho một phần nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của Công ty Đại Phát với Ngân hàng trong phạm vi đảm bảo cho mức dư nợ cao nhất là 3.000.000.000đ chứ không phải đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên và không đúng với Điều 363 Bộ luật dân sự năm 2005 sự thỏa thuận của các đương sự. Do đó, cần sửa một phần Bản án sơ thẩm.

[8] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm có bị sửa một phần nên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát, ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm To quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 299, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 122, 124, 342, 343, 355, 363, 471, 473, 474, 476, 715, 716, 717, và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 106; điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3 G định 83/2010/NĐ- CP ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 26 G quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị T.

2. Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam: Đòi Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát số tiền nợ gốc là 1.047.282.000đ (một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng), yêu cầu phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất 168 m² đất cùng ngôi nhà 01 tầng diện tích xây dựng 48 m² và vật kiến trúc khác đã đang và sẽ được xây dựng trên diện tích này thuộc thửa đất số 1280, bản đồ số 02 tại địa chỉ Thôn I, xã S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 36044, số vào sổ cấp GCN: CH00485 ngày 11/4/2012 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Phạm Văn T.

3. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng;

Buộc công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 14/01/2021 là 5.993.081.889 đồng (năm tỷ chín trăm chín mươi ba triệu không trăm tám mươi một nghìn tám trăm tám mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 1.952.718.000 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi hai triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng), nợ lãi của số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng tính từ ngày 22/3/2012 đến ngày

14/01/2021 là 4.040.363.889 đồng (lãi trong hạn: 3.067.933.333 đồng, lãi quá hạn: 972.430.556 đồng).

Kể từ ngày tiếp To của ngày 14/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành To mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 2113-LAV-201200094/HĐTD/09 ngày 16/02/2012. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay To từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay To quy định của pháp luật cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

4. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả không đầy đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản:

Quyền sử dụng đất 390 m² (trong đó có: 200 m² đất và 190 m² đất vườn tạp) và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 293 bản đồ số 5 tại địa chỉ thôn N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 526218, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00472 ngày 12/11/2003 đứng tên người sử dụng đất là ông Lê Thanh B, trong phạm vi bảo đảm của Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/3/2012 ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam với ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ To đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được Phòng công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 391/TC-ĐNV ngày 06/03/2012 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện An Dương, thành phố Hải Phòng ngày 06/03/2012.

Tài sản trên hiện nay do ông B, bà T cùng các con vẫn đang quản lý và sử dụng. Ông B, bà T, anh T, chị T, chị Phương, anh Hiền, chị Xuyên, anh G phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản thế chấp khi đưa ra phát mãi.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản không đủ trả hết nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát phải tiếp tục trả cho đến khi trả hết nợ.

5. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ máy tính Đại Phát phải nộp 114.867.114 đồng (Một trăm mười bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười bốn đồng) tiền án

phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền đã nộp 57.167.494 (Năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng) là tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AA/2016 số 0005449 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát, ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T mỗi đương sự không phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền án phí. Trả lại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Máy tính Đại Phát, anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T số tiền đã nộp To Biên lai thu tạm ứng tiền án phí, lệ phí tòa án số 0017856 ngày 01 tháng 10 năm 2020, Biên lai thu tạm ứng tiền án phí, lệ phí tòa án số 0017853 ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Biên lai thu tạm ứng tiền án phí, lệ phí tòa án số 0017852 ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành To quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án To quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện To quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Hải Phòng;
- TAND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu HCTP, HS

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Hải Hà